



GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

● BAN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC GIÁO DỤC

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cần khẳng định giáo dục, đào tạo nước ta đã đạt nhiều thành tựu góp phần tích cực vào việc thực hiện 03 nhiệm vụ lớn:

- *Nâng cao dân trí*: Kết quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học được duy trì, củng cố. Cả nước đã có 43/63 (68%) tỉnh, thành phố được công nhận đạt chuẩn quốc gia phổ cập trung học cơ sở (THCS). Số năm đi học bình quân của cư dân từ 15 tuổi trở lên tăng liên tục từ 4,5 vào năm 1999 lên 6,34 vào năm 2000 và 9,6 vào năm 2007. Bình đẳng giới trong giáo dục tiếp tục được đảm bảo. Một xã hội học tập đã được hình thành khá rõ nét ở Việt Nam với hơn 9.000 trung tâm học tập cộng đồng trong tổng số 11.000 xã, phường trên cả nước. Đây là những thành tựu quan trọng, nhất là khi so sánh với các nước có trình độ phát triển kinh tế và thu nhập tính theo đầu dân tương đương hoặc cao hơn nước ta.

- *Đào tạo nhân lực*: Tỷ lệ lao động qua đào tạo theo các loại hình và trình độ khác nhau đã tăng từ 13% năm 1998 lên 31,5% vào năm 2007. Chất lượng nguồn nhân lực đã có chuyển biến tích cực. Phần lớn học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) ở Việt Nam ra nước ngoài học đều đạt kết quả tốt, nghiên cứu sinh Việt Nam được đa số các trường đánh giá cao trong số các nghiên cứu sinh nước ngoài. Trong những thành tựu tăng trưởng kinh tế quan trọng của đất nước hơn 10 năm qua có phần đóng góp rất quan trọng của đội ngũ lao động, mà tuyệt đại đa số được đào tạo trong nước. Nước ta cũng đã bắt đầu chủ động đào tạo được nguồn nhân lực phục vụ xuất khẩu lao động.

- *Bồi dưỡng nhân tài*: Việc đào tạo, bồi dưỡng học sinh, sinh viên có năng khiếu đã được chú trọng và đạt được những kết quả rõ rệt. Nước ta đã thường xuyên xếp thứ hạng cao trong các cuộc đoạt huy chương tại các kì thi học sinh giỏi quốc tế.

Bên cạnh đó, đánh giá một cách nghiêm túc, giáo dục-đào tạo nước ta vẫn còn bộc lộ một số yếu kém cơ bản:

- Hệ thống giáo dục không đồng bộ, thiếu tính liên thông giữa các cấp học và các trình độ đào tạo, trong đó giáo dục nghề nghiệp chưa được quan tâm đúng mức. Tình trạng mất cân đối giữa cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề chậm

được khắc phục, dẫn đến tình trạng không đảm bảo mục tiêu cung cấp nhân lực với các trình độ đa dạng cho toàn quốc và cho các địa phương.

- Chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kì mới:

+ Chương trình, giáo trình giáo dục đại học, phương pháp giáo dục từ phổ thông đến đại học chậm đổi mới, chưa đáp ứng được mục tiêu chất lượng giáo dục. Nhiều nội dung trong chương trình giáo dục ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo không thiết thực, thiếu cập nhật; đào tạo nghề nghiệp về cơ bản vẫn còn dựa theo khả năng của cơ sở đào tạo mà chưa phải là đào tạo theo nhu cầu của xã hội, của doanh nghiệp; phương pháp dạy học về cơ bản vẫn theo lối truyền thụ một chiều, bắt người học ghi nhớ, phục vụ mục đích thi cử, không phát huy được tinh thần tự học, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo của người học.

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập rèn luyện ở bậc phổ thông còn thiên về kiểm tra tri thức, chưa đánh giá đúng, toàn diện năng lực làm người công dân Việt Nam.

- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục mặc dù đã có những đóng góp to lớn nhưng chưa đáp ứng tốt nhiệm vụ giáo dục trong thời kì mới.

- Công tác quản lí giáo dục còn bộc lộ nhiều lúng túng, chưa thích ứng với xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường trong bối cảnh chủ động tham gia hội nhập quốc tế.

- Cơ sở vật chất kĩ thuật nhà trường còn thiếu thốn và lạc hậu, chưa tương xứng với quy mô phát triển giáo dục và mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục.

Những khó khăn, yếu kém trên của giáo dục Việt Nam đã tồn tại từ 20 năm, 10 năm và 5 năm trước đây so với các thành tựu của hệ thống giáo dục hơn 20 năm qua và đổi mới của ngành hơn 2 năm gần đây, không thể coi giáo dục Việt Nam đang ở trong tình trạng "bế tắc", ngày càng sa sút, không có lối ra. Nhiều giải pháp mới, vừa có tính cơ bản lâu dài, vừa giúp giải quyết các khó khăn trước mắt đã được thực hiện tích cực, quyết liệt trong thời gian qua, đặc biệt trong 2 năm gần đây đã khẳng định chiều hướng phát triển tích cực của giáo dục.



1. Đổi mới mạnh mẽ quản lý giáo dục

Trong những năm gần đây đã có 5 đổi mới cơ bản, rất quan trọng trong quản lý giáo dục đã và đang diễn ra, đó là: quản lý chất lượng giáo dục, cơ chế tài chính của ngành giáo dục, nâng cao năng lực quản lý của Bộ GD&ĐT, xây dựng chiến lược phát triển giáo dục 2008 – 2020 và tăng cường phân cấp cho cơ sở.

1.1. Quản lý chất lượng giáo dục: Đây là một sự đổi mới cơ bản, coi quản lý chất lượng giáo dục và đào tạo là một nhiệm vụ cơ bản, ưu tiên hàng đầu của quản lý nhà nước của giáo dục

Năm 2004, Bộ GD&ĐT đã thành lập Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng, tới tháng 8/2008 đã có 55/63 (87%) sở GD&ĐT thành lập phòng khảo thí và đánh giá chất lượng, 55 trung tâm và đơn vị chuyên trách về đảm bảo chất lượng được thành lập trong các trường đại học và cao đẳng (15%). Trong năm học 2007 – 2008, đã thành lập 24 đoàn chuyên gia đánh giá chất lượng đào tạo tại 24 trường đại học, cao đẳng. Tới tháng 7/2008 đã có 114/168 trường đại học (chiếm 68% số trường đại học) đang tiến hành tự đánh giá chất lượng. Đến cuối năm 2008 sẽ có 30% số trường cao đẳng, 70% số trường đại học thực hiện tự đánh giá chất lượng, trong đó có 40 đại học được đánh giá ngoài). Đến năm 2009, 63/63 sở GD&ĐT sẽ có phòng khảo thí và đánh giá chất lượng. Đến 2020, 100% các đại học, cao đẳng phải được đánh giá chất lượng đào tạo. Bộ GD&ĐT đang tiến hành các thủ tục để từ năm 2009, Việt Nam tham gia vào việc đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông của thế giới do tổ chức PISA thực hiện.

- Từ năm 2007 Bộ GD&ĐT đã xác định việc chuyển từ đào tạo theo khả năng của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp sang đào tạo theo nhu cầu xã hội, đặc biệt là nhu cầu của doanh nghiệp là giải pháp cơ bản, có tính đột phá để nâng cao chất lượng đào tạo. Trong năm 2007 và 2008 10 hội thảo cấp quốc gia và vùng về đào tạo theo nhu cầu xã hội đã được Bộ GD&ĐT, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ Thông tin truyền thông, Bộ Công thương, Bộ Văn hóa thể thao du lịch, Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải tổ chức với sự tham gia của các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo theo các ngành nghề như công nghệ thông tin, đóng tàu, du lịch, tài chính ngân hàng, qua đó hơn 300 thỏa thuận, hợp đồng đào tạo đã được kí kết giữa các doanh nghiệp và các cơ sở đào

tao. Tháng 8/2008, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về đào tạo theo nhu cầu xã hội.

Bộ GD&ĐT đã chỉ đạo từ năm học 2008 – 2009, các trường đại học, cao đẳng phải thành lập bộ phận chuyên trách để phát triển quan hệ với các doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng người tốt nghiệp của trường mình, để thu hút họ tham gia vào việc đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo, tham gia giảng dạy và tạo điều kiện cho sinh viên thực tập, đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp và thực hiện đào tạo theo hợp đồng, có địa chỉ cho doanh nghiệp và các tổ chức, cơ quan trong xã hội. Từ tháng 4/2009, hàng năm, các trường đại học, cao đẳng phải công bố tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp sau 1 năm có việc làm.

Năm 2006, Bộ GD&ĐT đã xác định tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục là rào cản lớn nhất cho việc nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông làm triệt tiêu động lực của việc dạy tốt, học tốt. Vì vậy, Bộ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Thủ tướng đã ra chỉ thị 33, tháng 9 năm 2006 về “chống tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục” với yêu cầu cơ bản là tới 2020, phải khắc phục căn bản tiêu cực của ngành giáo dục và bệnh thành tích trong ngành giáo dục. Theo đó, cuộc vận động “Hai không” của ngành giáo dục đã được Bộ GD&ĐT và các địa phương triển khai quyết liệt, được sự đồng tình của nhân dân, cha mẹ học sinh và các giáo viên, học sinh. Đến nay sau 2 năm, tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục đã giảm đáng kể, ngành giáo dục, các bậc cha mẹ và các em học sinh đã quan tâm hơn đến việc học thật, đánh giá thật kết quả học tập, các thầy cô đã quan tâm sâu sắc hơn việc bồi dưỡng, hỗ trợ học sinh yếu kém vươn lên, không để các em “ngồi nhầm lớp”. Với việc thi nghiêm túc, tỉ lệ tốt nghiệp THPT năm 2006 từ 93% đã giảm chỉ còn 67% năm 2007 (thi lần 1) và qua hai lần thi là 80%, nhưng qua năm 2008, đã tăng lên là 76 (thi lần 1) và 86% qua hai lần thi. Điều này chứng tỏ một cách độc lập khách quan chất lượng học tập đã được nâng lên.

1.2. Cơ chế tài chính của ngành giáo dục

- Năm 2008, Bộ GD&ĐT đã hoàn thành việc xây dựng đề án đổi mới cơ chế tài chính của giáo dục, đào tạo 2008 - 2012, trong đó có đề án học phí mới trình Chính phủ. Đề án này sẽ làm cho giáo dục phát triển nhanh hơn, hiệu quả hơn, công bằng hơn (nền tảng mới về tài chính và quản lý tài chính).

1.3. Nâng cao năng lực quản lý của cơ quan Bộ GD&ĐT

Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, vừa qua Bộ đã tiến hành 3 đổi mới quan trọng: một là thành lập các tổ chức mới để việc quản lý được chuyên sâu hơn và có tính chuyên nghiệp cao: Vụ Giáo dục dân tộc, Cục Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, Cục Cơ sở vật chất và thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em, Cục Đào tạo với nước ngoài và Cục Công nghệ thông tin. Hai là bắt đầu triển khai cơ chế một cửa, trước tiên với chính quy trình quản lý liên quan tới các trường, nhà đầu tư giáo dục, người dân. Hiện nay tất cả các sở GD&ĐT cũng đã triển khai cơ chế một cửa. Ba là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của Bộ. Thực hiện kết nối internet cho tất cả các trường trong cả nước (hơn 35.000 trường từ mầm non tới đại học), các sở, phòng giáo dục và đào tạo, tất cả các văn bản, quyết định đều chuyển đến cơ sở qua hệ thống thư điện tử, hầu hết các cuộc họp cấp quốc gia đều thực hiện qua họp từ xa - qua video (mỗi cuộc họp như vậy tiết kiệm chi phí của ngân sách và cá nhân từ 500 – 800 triệu đồng) – chất lượng và hiệu quả cuộc họp được nâng cao. Chính phủ đã có nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/3/2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, bộ máy của Bộ GD&ĐT. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các sở GD&ĐT, phòng giáo dục, các cơ quan trong Bộ và trực thuộc Bộ đều đã được quy định lại để làm tăng hiệu quả hệ thống quản lý.

1.4. Xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2008 – 2020: Việc xây dựng chiến lược đang ở vào giai đoạn cuối với tầm nhìn mới và nhiều giải pháp đổi mới mạnh mẽ mang tính cải cách nhằm tạo những chuyển biến căn bản trong giáo dục và đào tạo, dự kiến sẽ trình Chính phủ vào quý 1/2009.

1.5. Tăng cường phân cấp cho cơ sở: Từ năm 2006 đến nay Bộ GD&ĐT đã thực hiện phân cấp ngày càng nhiều cho các sở GD&ĐT và các đại học, cao đẳng. Các sở được tự quyết định kế hoạch hoạt động năm học (thời gian nghỉ tết, nghỉ hè), quyết định cách dạy học các môn mà điều kiện giáo viên và cơ sở vật chất tại các vùng miền còn khác nhau, tự quyết định các chỉ tiêu thi đua ở tỉnh và cơ sở, tự quyết định thiết kế các trường học được xây dựng bằng kinh phí Nhà nước (ủy ban nhân dân các tỉnh phê duyệt). Các trường đại học, cao đẳng tự xác định số lượng sinh viên tuyển sinh theo tiêu chí đảm bảo chất lượng do Bộ đưa ra, tự quyết định số lượng

cán bộ, giáo viên, công nhân viên.

2. Khẳng định vai trò trụ cột của đội ngũ nhà giáo và các hiệu trưởng trong hệ thống giáo dục, triển khai các chương trình để hình thành đội ngũ nhà giáo và hiệu trưởng đáp ứng yêu cầu của giai đoạn 2010 - 2020

2.1. Năm 2007, Bộ GD&ĐT đã lập Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục để có đầu mối chuyên lo việc phát triển và chăm sóc đội ngũ nhà giáo và các hiệu trưởng, hiệu phó (sau khi Vụ Giáo viên được giải tán vào năm 2003).

2.2. Năm 2007, Bộ GD&ĐT cũng đã lần đầu tiên ban hành Quy định đạo đức nhà giáo, và phối hợp với Công đoàn giáo dục Việt Nam triển khai cuộc vận động: *"Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo"*. Từ năm 2007, hàng năm Bộ GD&ĐT biên tập và xuất bản cuốn sách: *"Gương mặt nhà giáo Việt Nam"* phát hành đến mỗi trường học trong cả nước. Từ năm 2008, Bộ GD&ĐT đã điều chỉnh tiêu chí, thủ tục xét công nhận Nhà giáo ưu tú, nhà giáo nhân dân, để ghi nhận công lao của các nhà giáo có cống hiến lớn, đã phục vụ ở nơi có chiến tranh dù đã về hưu hoặc đã mất.

2.3. Năm 2007 và 2008, Bộ GD&ĐT đã ban hành chuẩn giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, đang triển khai thí điểm chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS và THPT, đang biên soạn quy chế giảng viên đại học.

2.4. Năm học 2008 – 2009, sẽ ban hành chuẩn hiệu trưởng bậc phổ thông, giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên để quy hoạch, bồi dưỡng, phát huy và đánh giá đúng đội ngũ hiệu trưởng, giám đốc trung tâm, từ đó có chính sách đãi ngộ hợp lý, và đảm bảo chất lượng cao của lãnh đạo nhà trường, trung tâm.

Từ năm học 2008 – 2009, sẽ tổ chức rộng rãi giáo viên các trường đánh giá hiệu trưởng, giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên.

2.5. Năm 2007 Bộ GD&ĐT đã phối hợp với Bộ GD Singapore xây dựng chương trình đào tạo hiệu trưởng phổ thông đạt trình độ quốc tế, đã tổ chức đào tạo 150 giảng viên cấp quốc gia, 320 giảng viên cấp tỉnh để làm lực lượng triển khai đào tạo, bồi dưỡng 30.000 hiệu trưởng các trường phổ thông trong 2 năm 2009 – 2010. Bộ đang triển khai chương trình bồi dưỡng 1.000 hiệu trưởng, hiệu phó các đại học, cao đẳng từ 2008 đến 2010.

2.6. Bộ đã xây dựng và bắt đầu chương trình đào tạo 20.000 tiến sĩ làm giảng viên các đại học, cao đẳng từ 2008 đến 2020, đang xây dựng



chương trình đào tạo 20.000 giáo viên trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) và dạy nghề để đáp ứng nhu cầu đến 2015.

2.7. Tháng 12/2008 Bộ GD&ĐT đã tổ chức hội nghị các trường sư phạm toàn quốc (sau 23 năm không tổ chức), từ đó Ban cán sự Đảng bộ GD&ĐT đã có nghị quyết 08 ngày 4 tháng 4 năm 2007 về phát triển các trường, khoa sư phạm giai đoạn 2006 – 2015.

2.8. Bộ đang xây dựng đề án để trong năm 2009, chuyển tất cả giáo viên đã công tác ở vùng núi, vùng khó khăn từ 10 năm trở lên, có nguyện vọng, được về công tác ở nơi thuận lợi hơn và năm 2010 chuyển các giáo viên đã công tác từ trên 5 năm về nơi thuận lợi hơn.

2.9. Từ năm 2008, theo kiến nghị của Bộ GD&ĐT, Chính phủ đã cho triển khai chương trình xây dựng nhà công vụ cho giáo viên ở vùng khó khăn, với tổng diện tích 1,6 triệu m² cho giai đoạn 2008 – 2012.

3. Tăng cường đầu tư, phát triển hệ thống cơ sở giáo dục, đào tạo

- Tổng chi ngân sách nhà nước (NSNN) cho giáo dục, đào tạo năm 2007 đạt 20% tổng chi NSNN, trong khi năm 2001 là 15,5%.

- Giai đoạn 2002 - 2007 đã xây thêm hơn 60.000 phòng học mới qua chương trình kiên cố hóa trường lớp. Đề án Kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên giai đoạn 2008-2020 đã được Chính phủ phê duyệt. Quy mô đầu tư xây dựng khoảng 141.300 phòng học nhằm xóa tình trạng học ca ba, phòng học tạm các loại và 1,6 triệu m² nhà công vụ cho giáo viên, được mở rộng với tổng vốn đầu tư gần 25.200 tỉ đồng. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 68/2008/QĐ-TTg ngày 28/5/2008 về việc phân bổ vốn trái phiếu chính phủ năm 2008 với số tiền là 3.775,6 tỉ đồng nhằm hỗ trợ các địa phương thực hiện đề án.

- Mạng lưới trường lớp được phát triển rộng khắp trong toàn quốc. Năm học 2007 - 2008, cả nước có 41.123 trường học, trong đó giáo dục mầm non: 11.629 trường; giáo dục phổ thông: 27.900 trường; giáo dục nghề nghiệp: 1225 cơ sở; giáo dục đại học: 369 cơ sở. Về cơ bản đã xóa được “xã trắng” về giáo dục mầm non; trường tiểu học đã có ở tất cả các xã, trường THCS có ở xã hoặc cụm liên xã, trường THPT có ở tất cả các huyện. Các cơ sở đào tạo nghề, các trường đại học và cao đẳng được thành lập ở hầu hết các địa bàn dân cư lớn, các vùng, các địa phương. Hiện nay, cả nước có 9.010 trung tâm

học tập cộng đồng, 583 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp quận/huyện, 66 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, 24 trường bổ túc văn hóa, 1.300 trung tâm tin học với hàng trăm chi nhánh.

- Công tác thiết bị dạy học đã được Chính phủ và Bộ GD&ĐT tập trung chỉ đạo quyết liệt, từ đầu tư kinh phí đến hướng dẫn, giám sát các địa phương và các trường học trong việc thực hiện mua sắm, bảo quản và sử dụng. Các thiết bị dạy học đã góp phần đổi mới phương pháp dạy và học trong các nhà trường.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục

4.1. Trên cơ sở tổ chức sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết 05 của Chính phủ về xã hội hóa giáo dục, Chính phủ đã ban hành nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục, đào tạo và có quyết định triển khai.

4.2. Năm 2007, lần đầu tiên hơn 300 doanh nghiệp và các nhà hảo tâm được vinh danh tại Lễ tuyên dương các doanh nghiệp và các nhà hảo tâm có đóng góp xuất sắc cho giáo dục, đào tạo giai đoạn 1996-2006. Giá trị đóng góp của đơn vị và cá nhân ước khoảng hơn 1.000 tỉ đồng. Trên cơ sở đó, năm 2008, các tỉnh, thành phố tiếp tục tổ chức Lễ tuyên dương doanh nghiệp và các nhà hảo tâm có đóng góp xuất sắc cho giáo dục, đào tạo ở các địa phương.

4.3. Năm 2008, Công ty viễn thông quân đội Viettel đã quyết định cho phép tất cả các trường học phổ thông ở Việt Nam được kết nối internet miễn phí để hỗ trợ đào tạo có chất lượng cao hơn với chi phí thấp. Với quyết định này, mỗi năm Viettel đã chi cho giáo dục, đào tạo khoảng hơn 300 tỉ đồng.

5. Các giải pháp đổi mới nội dung phương pháp dạy và học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục

5.1. Năm 2008, lần đầu tiên Bộ GD&ĐT đã tổ chức đánh giá độc lập và toàn diện chương trình và sách giáo khoa ở tất cả các cấp học và môn học. Trên cơ sở đó, Bộ đã có những chủ trương kịp thời về việc giảm tải, điều chỉnh chương trình, sửa chữa những sai sót trong sách giáo khoa và hướng dẫn thực hiện kế hoạch dạy học theo hướng mở và dành quyền chủ động cho các vùng miền. Việc đánh giá này sẽ được tiếp tục thực hiện trong 2 năm tới để chuẩn bị cho việc biên soạn lại chương trình và sách giáo

khoa của một số môn học cần thiết.

5.2. Bộ GD&ĐT đã xây dựng và trình Chính phủ một chương trình nâng cao năng lực dạy, học và sử dụng ngoại ngữ trong toàn bộ hệ thống giáo dục với mục đích học sinh được học ít nhất một ngoại ngữ từ những lớp cuối tiểu học và học liên tục tới cao đẳng, đại học để đến năm 2020, ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh, là thế mạnh của người Việt Nam.

- Hiện nay, 24 chương trình đào tạo tiên tiến quốc tế bắt đầu được sử dụng ở một số trường đại học tiến tới năm 2010 có ít nhất 50 chương trình quốc tế được thực hiện, trong số đó, một số chương trình sẽ do các giáo sư của các đại học có uy tín quốc tế thực hiện giảng dạy trực tiếp bằng tiếng Anh.

5.3. Năm học 2008 - 2009, Bộ GD&ĐT tổ chức khảo sát, hội thảo tổng kết toàn quốc về đổi mới phương pháp dạy các môn Ngữ văn, Sử, Địa ở bậc trung học, đánh giá hiệu quả môn Thủ công ở tiểu học và Giáo dục công dân ở trung học.

5.4. Bắt đầu trong năm học 2008 - 2009, toàn ngành triển khai phong trào thi đua xây dựng "trường học thân thiện, học sinh tích cực".

6. Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học

- Hoạt động KHCN đã có sự gắn kết với hoạt động đào tạo sau đại học, đặc biệt là đào tạo nghiên cứu sinh; gắn với đào tạo nguồn nhân lực theo hướng ưu tiên về công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu, khoa học nông-lâm-ngư và khoa học giáo dục.

7. Đào tạo và bồi dưỡng nhân tài

- Năm học 2007-2008, Bộ GD&ĐT đã tổ chức hội nghị đánh giá hoạt động hệ thống trường chuyên toàn quốc trong 42 năm qua. Trên cơ sở đó, Bộ đã chỉ đạo xây dựng và thực hiện đề án giáo dục học sinh tài năng với những đổi mới quan trọng từ mục tiêu đến chương trình và phương pháp giáo dục.

- Các chương trình đào tạo cử nhân, kỹ sư chất lượng cao tại một số trường đại học có thể mạnh tiếp tục được tổ chức.

- Từ năm 2007 đến nay, Việt Nam đã tổ chức thành công các kì thi Olympic Toán quốc tế lần thứ 48, kì thi Olympic Vật lý Châu Á lần thứ 8 và kì thi Olympic Vật lý quốc tế lần thứ 39. Trong các kì thi quốc tế này, đoàn học sinh Việt Nam đều đoạt được giải thưởng cao. Đặc biệt, trong kì thi Olympic Toán quốc tế lần thứ 48 Việt Nam đứng thứ 3 trên tổng số 89 nước tham dự, tại kì

thi Olympic Vật lý lần thứ 39, Việt Nam đứng ở vị trí thứ 6 trên tổng số 82 nước tham dự, đây là kết quả cao nhất đoàn Việt Nam đạt được từ khi tham gia đến nay.

8. Hợp tác quốc tế trong giáo dục

- Bộ GD&ĐT đã kí 24 hiệp định, thỏa thuận, điều ước quốc tế với trên 20 quốc gia và tổ chức quốc tế. Trong năm 2007-2008, Bộ đã phê duyệt 21 chương trình liên kết đào tạo.

- Bộ GD&ĐT đã tổ chức thành công diễn đàn giáo dục ASEAN tại Việt Nam, diễn đàn giáo dục Việt Nam-New Zealand, hội thảo khu vực ASEAN về đào tạo học sinh phổ thông năng khiếu.

- Hợp tác với CHLB Đức xây dựng Trường Đại học Việt Đức và chuẩn bị điều kiện để thành lập thêm 3 đại học trình độ quốc tế với sự hợp tác của Hoa Kỳ, Pháp...

- Phát triển hợp tác quốc tế trong giáo dục còn được thể hiện qua sự tổ chức thành công các kì thi Olympic quốc tế tại Việt Nam.

9. Tạo môi trường lành mạnh trong giáo dục

- Bộ GD&ĐT đã ban hành quy định về đạo đức nhà giáo. Các địa phương đều triển khai tích cực tập trung kiểm tra, chấn chỉnh vi phạm đạo đức nhà giáo. Các vụ vi phạm đạo đức nhà giáo đã được xử lý nghiêm túc, kịp thời, số lượng vụ việc vi phạm đạo đức nhà giáo đã giảm hẳn.

- Sau hai năm thực hiện cuộc vận động "Hai không", hiện tượng tiêu cực trong kiểm tra thi cử giảm hẳn, các kì thi được tổ chức nghiêm túc và được dư luận đồng tình. Tình trạng học sinh "ngồi nhảm lớp" bước đầu được khắc phục bằng nhiều giải pháp.

- Nhờ sự phối hợp giữa Bộ GD&ĐT và Đài Truyền hình Việt Nam, nhiều tấm gương vượt khó trong học tập đã được phát hiện và giới thiệu trên chương trình "Thắp sáng tương lai". Nhiều hoạt động hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn đã được triển khai như cuộc vận động "Giúp bạn đến trường", quỹ "Vi trẻ em nghèo"...

SUMMARY

This article underlines the achievements of the Vietnamese education and training sector, especially in the last 2 years with new basic and long-term solutions aiming at solving the three major tasks: improving the people's knowledge, training of manpower and nurturing the talents.